

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HC-ST

Ngày: 19 – 06 - 2018

V/v : “*Khiếu kiện Quyết định thu hồi, bồi thường đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hanh.

Bà Nguyễn Thị Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái – Thư ký TAND tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 46/2017/TLST-HC ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính thu hồi, bồi thường hỗ trợ đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐ-ST ngày 03 tháng 04 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2018/QĐST-HC ngày 17 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2018/QĐST-HC ngày 06 tháng 06 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Vợ chồng ông Lê Văn B – sinh năm 1950, bà Đỗ Thị M - sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện TA, tỉnh Phú Yên – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Hồng D – sinh năm 1976, Luật sư văn phòng Luật sư DY thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: 247 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên – có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1 Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: 07 Độc Lập, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T – Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên – có văn bản xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Phú Yên: Ông Mai Kim L – Phó giám đốc Sở Tài và Môi trường tỉnh Phú Yên và ông Ngô Quang Phú – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên (Ông Mai Kim L có mặt, ông Ngô Quang Phú vắng mặt).

2.2 Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: 02 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật của UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T: Ông Võ Ngọc K – Chủ tịch UBND thành phố T – có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện TA, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện TA: Ông Phạm Ngọc T – Phó Chủ tịch UBND huyện TA – có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Thôn Xuân Dục, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã P: Ông Nguyễn Đức T – Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường – có mặt.

3.3 Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Phú Yên (nay là Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên).

Địa chỉ: 59 – 61 Nguyễn Trãi, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Đình Huy – Giám đốc Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên) – vắng mặt.

3.4 Công ty TNHH đo đạc Thiên Ý.

Địa chỉ: 74/25 Nguyễn Công Trứ, phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Kim Y – Giám đốc Công ty TNHH đo đạc Thiên Ý – có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5 Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H – Cán bộ Phòng Tổ chức hành chính Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên – có mặt.

3.6 Vợ chồng ông Lê Thành T – sinh năm 1957, bà Lê Thị H – sinh năm 1959.

Địa chỉ: 17A/01 Nguyễn Tất Thành, phường 2, thành phố T – bà H có mặt, ông T vắng mặt.

3.7 Bà Lê Thị Kim H1 – sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn Xuân Dục, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên – vắng mặt.

3.8 Vợ chồng bà Lê Thị Kim Q - sinh năm 1961, ông Nguyễn Phụng Tình – sinh năm 1961.

Địa chỉ: Kp. C, thị trấn C, huyện TA, tỉnh Phú Yên – vắng mặt.

3.9 Vợ chồng ông Lê Phước S – sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị D – sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn D, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H, bà H1, bà Q, ông T, ông S, bà D: Ông Lê Văn B – sinh năm 1954 - có mặt.

3.10 Ông Trình Văn N – sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên – có văn bản xin xét xử vắng mặt.

3.11 Ông Trần Công U – sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên – có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.12 Ông Trần N – sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:

Nguyên diện tích 631,9m² tại thửa đất số 964 theo bản đồ đo đạc giải phóng mặt bằng do công ty TNHH Thiên Ý lập có nguồn gốc là đất hoang, có nhiều mồ mả, sau đó ông Lê M (cha của ông Lê Văn B) khai hoang để trồng bạch đàn thể hiện tại giấy viết tay “*giấy báo cáo*” đề ngày 26/12/2003 và “*giấy xác minh đất ranh giới của ông Lê M*” đề ngày 25/12/2003 được Ủy ban nhân dân xã P ký xác nhận. Ông Lê M để lại diện tích nêu trên cho anh em ông Lê Văn B theo văn bản phân chia thừa kế đề ngày 10/9/2003 (được UBND xã P xác nhận ngày 27/10/2003).

Năm 2016, Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi diện tích 239,3m² nằm trong tổng diện tích 631,9m² nêu trên của gia đình ông B để thực hiện dự án Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên, công trình xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng bệnh viện nhưng UBND thành phố T không bồi thường về đất cho vợ chồng ông B, bà M mà chỉ bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản trên đất.

Ngày 25/12/2016, ông Lê Văn B có gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố T đề nghị Chủ tịch UBND thành phố T xem xét giải quyết chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 239,3m² nêu trên. Ngày 09/5/2017 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của tôi với nội dung không công nhận yêu cầu khiếu nại của tôi đối với việc bồi thường 239,3m² đất.

Do không đồng ý đối với kết quả giải quyết nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố Hòa nên vợ chồng ông B, bà M làm đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa yêu cầu Tòa án:

Hủy Thông báo số 1068/TB-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố T về việc “*Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T*”; Quyết định 5608/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND thành phố T “*Về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh – Dự án: Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T*” (do UBND tỉnh Phú Yên ủy quyền cho UBND thành phố T thu hồi đất theo Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của UBND tỉnh Phú Yên); Quyết định số 5616/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên “*V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình: Xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh – Dự án: Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại*

thôn L, xã P, thành phố T”; Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T “*V/v Giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Văn B (lần đầu)*”; Quyết định số 5624/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên “*V/v Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ: Lê Văn B để thực hiện Công trình: Xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh – Dự án: Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T*”; Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 239,3m² bị ảnh hưởng thu hồi của dự án sửa chữa nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên trình bày: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 ủy quyền cho UBND thành phố T ban hành Quyết định 5608/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND thành phố T “*Về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh – Dự án: Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật đất đai. Việc UBND thành phố T thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông B, bà M.

Người bị kiện UBND thành phố T; Chủ tịch UBND thành phố T trình bày:

Theo bản đồ giải thửa đo đạc năm 1992, Sổ mục kê ruộng đất lập năm 1993, bản đồ đo đạc địa chính năm 1997 và sổ mục kê đất lập năm 1998, thửa đất 964 diện tích trùng giải tỏa 239,3m² mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 02-2016 mà ông B đang khiếu nại yêu cầu bồi thường về đất thuộc loại đất nghĩa địa do UBND xã P quản lý.

Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật đất đai năm 2013, quy định “*Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây: Đất được nhà nước giao để quản lý*”.

Căn cứ Khoản 2 Điều 7 Luật đất đai 2013, quy định: “*Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với việc sử dụng đất nông nghiệp đã giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) để sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân, các công trình công cộng phục vụ hoạt động văn hóa,*

giáo dục, y tế, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí, chợ, nghĩa trang, nghĩa địa và công trình công cộng khác của địa phương”.

Như vậy, thực hiện công trình: Xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh – dự án Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T, ông Lê Văn B không phải là đối tượng bị thu hồi đất thửa đất 964, vì vợ chồng ông B chiếm, sử dụng loại đất nghĩa trang do UBND xã P quản lý. Căn cứ các quy định nêu trên, việc ông B khiếu nại yêu cầu bồi thường thửa đất 964 là không có cơ sở để xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên trình bày: Năm 2004 trở về trước xã P thuộc huyện TA, tỉnh Phú Yên, đến năm 2005 xã P được sáp nhập vào địa giới thành phố T (theo Nghị định số 03/2005/NĐ-CP ngày 05/01/2005 của Chính phủ). Năm 1998 Ủy ban nhân dân huyện TA cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê M (cha ông Lê Văn B) là đúng quy định pháp luật đất đai tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc thửa đất vợ chồng ông B, bà M đang khiếu kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên trình bày: Bệnh viện chỉ là đơn vị được sử dụng sau khi công trình xây dựng hoàn thành, vì vậy trong quá trình thực hiện dự án trách nhiệm thuộc về các đơn vị chức năng và chủ đầu tư. Do đó, Bệnh viện không có ý kiến và không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Phú Yên trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của UBND thành phố T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty TNHH đo đạc Thiên Ý trình bày: Việc đo đạc của công ty là đúng quy định của pháp luật. Do đó công ty không có ý không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông T, bà H, bà Hương, bà Quế, ông Tình, ông Sơn, bà Dư (do ông Lê Văn B) đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trình Văn N, ông Trần Công U và ông Trần N: Nguyên diện tích gia đình ông Lê Văn B đang khiếu kiện trước kia là đất

hoang người dân địa phương sử dụng chôn cất và có nhiều mồ mả, sau đó ông Lê M có trồng bạch đàn trên diện tích nêu trên.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Diện tích 239,3m² của vợ chồng ông B, bà M bị ảnh hưởng thu hồi để thực hiện Công trình xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh – Dự án Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên có nguồn gốc là do ông Lê M (cha của ông B) khai hoang và sử dụng từ năm 1986 đến nay đã được UBND xã P ký xác nhận. Trong quá trình sử dụng thì các cơ quan có thẩm quyền không lập biên bản hay xử phạt vi phạm hành chính gì đối với ông Lê M và vợ chồng ông Lê Văn B. Do đó, theo các quy định của Luật đất đai thì diện tích 239,3m² nêu trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Lê Văn B, bà Đỗ Thị M nên khi nhà nước thu hồi thì phải bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên trình bày: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật đất đai và việc UBND thành phố T thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông B, bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện VKSND tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện vì không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người bị kiện là UBND tỉnh Phú Yên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện TA, tỉnh Phú Yên và các đương sự khác có

văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền xét xử:

Thực hiện Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào phân khu đất mở rộng của Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh*”.

Ngày 31/12/2015 UBND thành phố T ban hành thông báo số 1068/TB-UBND “*V/v thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án*”.

Ngày 23/07/2014 UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1155/QĐ-UBND ủy quyền cho UBND thành phố T thu hồi đất. Ngày 10/10/2016 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5608/QĐ-UBND để thu hồi đất để thực hiện dự án, trong đó có diện tích 239,3m² vợ chồng ông Lê Văn B, bà Đỗ Thị M đang sử dụng.

Ngày 10/10/2016 UBND thành phố T ban hành Quyết định 5616/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ để thực hiện dự án, theo quyết định phê duyệt thì ông Lê Văn B không được bồi thường, hỗ trợ về đất mà chỉ được bồi thường hỗ trợ đối với phần cây trồng và tài sản trên đất với số tiền 1.206.898 đồng.

Ngày 11/10/2016 UBND thành phố T ban hành Quyết định 5624/QĐ-UBND chi trả tiền số tiền nêu trên cho ông Lê Văn B.

Do không đồng ý đối với quá trình thu hồi, bồi thường của UBND thành phố T, ngày 25/11/2016 ông Lê Văn B có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố T yêu cầu được xem xét bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 239,3m². Ngày 09/5/2017 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1805/QĐ-UBND không công nhận yêu cầu của ông Lê Văn B.

Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo yêu cầu của vợ chồng ông Lê Văn B, bà Đỗ Thị M đối với các quyết định hành chính nêu trên và yêu cầu buộc UBND thành phố T lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 239,3m² đất bị ảnh hưởng dự án sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên là thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và còn trong thời hạn khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Ngày 16/6/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Vợ chồng ông Lê Văn B, bà Đỗ Thị M cho rằng diện tích đất nêu trên do cha ông là ông Lê M phân chia thừa kế. Tuy nhiên theo giấy tờ về việc phân chia thừa kế ngày 10/9/2003 do ông Lê M lập thể hiện ông Lê M phân chia thừa kế cho các con của ông (trong đó có ông Lê Văn B) đối với diện tích 370m² thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 03, bản đồ đo đạc năm 1992 (đo đạc theo chỉ thị 299/CP) đã được UBND huyện TA công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 677901 cho ông Lê M vào ngày 15/10/1998. Đối chiếu bản đồ địa chính, sổ mục kê, sổ địa chính qua các thời kỳ thể hiện thửa đất số 39, tờ bản đồ số 3, bản đồ đo đạc năm 1992, tương ứng với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính năm 1997 và không nằm trong diện tích nhà nước thu hồi để thực hiện dự án nên thửa đất này không bị thu hồi để thực hiện công trình: Xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng

Tỉnh – dự án: Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, và điều này phù hợp với lời khai và bản đồ đo đạc hiện trạng ngày 05/6/2018 của công ty TNHH Tứ Thiện đo đạc theo yêu cầu của ông Lê Văn B. Như vậy thửa đất có diện tích 239,3m² vợ chồng ông B, bà M đang khiếu kiện và thửa đất cha ông phân chia cho các con là hai thửa khác nhau.

[4] Xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với diện tích 239,3m² thuộc thửa đất 964, tờ bản đồ số 8 (bản đồ giải phóng mặt bằng do công ty TNHH đo đạc Thiên Ý lập): Theo như trình bày của vợ chồng ông Lê Văn B, bà Đỗ Thị M thì diện tích 239,3m² bị ảnh hưởng dự án không nằm trong diện tích 370m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Diện tích đất này trước kia có nhiều mô mã nên ông Lê M ra phát dọn để trồng bạch đàn (bút lục 268). Trong quá trình tòa án thụ lý, giải quyết phía người khởi kiện không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện quyền sử dụng đất trước năm 1992 đối với diện tích 239,3m² nêu trên.

[5] Theo kết quả đo đạc của công ty TNHH Đo đạc Thiên Ý thì diện tích 239,3m² thuộc thửa đất 964, tờ bản đồ số 8. Đối chiếu bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 lưu giữ tại UBND xã P thì thửa 964 nêu trên thuộc một phần của thửa 123, 124, 125 (phần diện tích 239,3m² thì thuộc thửa 125). Theo hồ sơ địa chính đang lưu giữ tại UBND xã P thể hiện thửa 123, 124, 125 là đất nghĩa địa, điều này phù hợp với lời khai của các ông Nam, ông Uân và lời khai của người khởi kiện thể hiện “*diện tích đất này trước kia có rất nhiều mô mã và được làm Nghĩa trang của địa phương*” sau đó ông Lê M tự ý lấn chiếm và trồng bạch đàn.

[6] Như vậy, tại thời điểm nhà nước đo đạc bản đồ địa chính theo chỉ thị 299/Cp của chính phủ thì hiện trạng trên diện tích 239,3m² là đất nghĩa địa. Khoản 2 Điều 7 Luật đất đai quy định đất nghĩa trang, nghĩa địa do UBND xã quản lý. Hành vi lấn chiếm nêu trên của ông Lê M (sau này là ông Lê Văn B) thuộc trường hợp nhà nước nghiêm cấm tại khoản 1 Điều 12 Luật đất đai “*lấn, chiếm, hủy hoại đất đai*”. nên khi UBND thành phố T thu hồi diện tích 239,3m² gia đình ông Lê Văn B đang sử dụng nêu trên không bồi thường về đất là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật đất đai.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên cho thấy trong quá trình triển khai thực hiện Công trình xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh – Dự án Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T UBND tỉnh Phú Yên ủy quyền cho UBND thành phố T; UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi và lập phương án bồi thường, hỗ trợ đúng quy định luật đất đai. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30, Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, điểm a, khoản 2 Điều 193 và khoản 1, Điều 358 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 12 Luật đất đai; khoản 3, Điều 66 và khoản 2 Điều 82 Luật đất đai.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Văn B, bà Đỗ Thị M về việc:

Hủy Thông báo số 1068/TB-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố T về việc “*Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T*”; Quyết định 5608/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND thành phố T “*Về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh – Dự án: Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T*” (do UBND tỉnh Phú Yên ủy quyền cho UBND thành phố T thu hồi đất theo Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của UBND tỉnh Phú Yên); Quyết định số 5616/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên “*V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình: Xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh – Dự án: Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T*”; Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T “*V/v Giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Văn B (lần đầu)*”; Quyết định số 5624/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên “*V/v Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ: Lê Văn B để thực hiện Công trình: Xây dựng khoa chống nhiễm khuẩn, xưởng sản xuất dụng cụ chỉnh hình và đoạn tường rào khu đất mở rộng của Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh – Dự án: Sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T*”; Buộc UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 239,3m² bị ảnh hưởng thu hồi của dự án sửa chữa nâng cấp Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Phú Yên tại thôn L, xã P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vì không có căn cứ.

Về án phí: Người khởi kiện vợ chồng ông Lê Văn B, bà Đỗ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001074 ngày 13/06/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Người khởi kiện phải chịu 500.000 đồng (đã nộp đủ).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NV và THA;
- Lưu AV; lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Ngọc Minh

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh